

MỘT SỐ LUẬN ĐIỂM CỦA C.MÁC VÀ PH.ĂNGGHEN VỀ ĐÔ THỊ HÓA

HOÀNG BÁ THỊNH*

1. Những luận điểm về đô thị hóa

Sự phát triển đô thị và kinh tế đô thị đã có sự quan tâm từ khá sớm. Từ giữa thế kỷ XIX, những nhà mác xít đã nghiên cứu cả hai mặt tích cực và tiêu cực của phát triển đô thị. Họ đã có những phân tích sâu sắc về nguồn gốc đô thị, tiền đề và tính quy luật của sự phát triển đối lập giữa đô thị và nông thôn. Trong khi khẳng định sự tiến bộ, ưu việt và ảnh hưởng to lớn của đô thị đối với sự phát triển xã hội thì họ cũng phê phán gay gắt và sâu sắc các khuyết tật của đô thị dưới chủ nghĩa tư bản. Những quan điểm này được các nhà kinh điển Mác xít trình bày trong nhiều tác phẩm, như: *Hệ tư tưởng Đức*, *Tuyên ngôn Đảng Cộng sản* của C.Mác và Ph.Ăngghen; *Tư bản, Phê phán Khoa Chính trị - kinh tế học*, *Bản thảo Kinh tế học* của C.Mác; *Tình cảnh giai cấp lao động ở Anh*; *Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của Nhà nước*, *Chống Duy-rinh* của Ph.Ăngghen.

1.1. Tác động của đô thị hoá đến quan hệ xã hội của nông thôn

Trong Hệ tư tưởng Đức, các nhà sáng lập ra chủ nghĩa Mác đã khẳng định việc hình thành và phát triển đô thị có ý nghĩa vô cùng to lớn “Sự phân công lớn nhất giữa lao động vật chất và lao động tinh thần là sự tách rời giữa thành thị với nông thôn. Sự đối lập giữa thành thị và nông thôn xuất hiện cùng với bước quá độ từ

thời đại dã man lên thời đại văn minh, từ chế độ bộ lạc lên nhà nước, từ tính địa phương lên dân tộc và cứ tồn tại mãi suốt toàn bộ lịch sử văn minh cho đến ngày nay”.

Sự phát triển đô thị/đô thị hoá, nhìn từ chiều cạnh không gian địa lý là quá trình mở rộng của các vùng đô thị và sự thu hẹp các cộng đồng nông thôn. Không những thế, đô thị hoá còn tác động đến quan hệ xã hội của các vùng nông thôn. Năm 1858, C.Mác nêu lên: “Lịch sử cận đại là quá trình các quan hệ thành thị thâm nhập vào nông thôn, trong khi đó thế giới cổ đại lại có tình hình ngược lại, đó là những quan hệ nông thôn xâm nhập vào thành phố”¹. Đây là đặc trưng tương phản về nông thôn và đô thị vào các thời kỳ lịch sử khác nhau giữa cổ đại và cận đại. Khi C.Mác nêu vấn đề đô thị cổ đại nông thôn hóa (quan hệ nông thôn thâm nhập vào đô thị) chủ yếu nói về tình hình tan rã của chế độ nô lệ, mâu thuẫn chế độ nô lệ ngày càng sâu sắc, tinh thần tích cực và năng suất của lao động nô lệ không ngừng giảm, đồng thời chiến tranh xảy ra liên miên giữa các thành, bang và tộc xâm nhập. Trong mấy thế kỷ đầu công nguyên, cả thế giới cổ đại ven bờ biển Địa Trung Hải bắt đầu sự chuyển biến lớn lần thứ nhất trong lịch sử loài người - sự tan rã của chế độ chiếm hữu nô lệ. Trên đồng đò nát của chế độ tư hữu, chủ nô lệ cổ đại xây dựng chế độ kinh tế và xã hội mới về cơ bản đã không còn dựa vào đô thị nữa mà dựa vào nông thôn, dựa vào kinh tế tiểu nông tự do. Đây là sự

* PGS.TS. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG Hà Nội.

xác lập chế độ phong kiến. Sự phát triển đô thị xã hội phong kiến rất chậm, và “nông thôn có thể thống trị thành thị”² (về kinh tế). Hơn thế nữa, những cung cách tiêu nông cũng ảnh hưởng đến lối sống công nghiệp, đô thị. Đó là “Công nghiệp đem áp dụng những nguyên tắc tổ chức nông nghiệp vào thành thị và vào các mối quan hệ của thành thị”³.

1.2. Công nghiệp hóa kéo theo đô thị hóa

Từ thế kỷ XIX, C.Mác đã nói “Lịch sử cận đại là quá trình các quan hệ thành thị thâm nhập nông thôn, chủ yếu chỉ là quá trình lịch sử chủ nghĩa tư bản nảy mầm và sau cuộc cách mạng công nghiệp, đô thị các nước tư bản thế giới phát triển rất nhanh”. Từ luận điểm này của C.Mác, cũng có thể nói đô thị hóa là người bạn đồng hành của công nghiệp hóa, đây là một kết luận khoa học về quá trình đô thị hóa và quá trình đô thị hóa trên thế giới nửa cuối thế kỷ XX đã chứng minh tính đúng đắn về luận điểm của C.Mác. Ph.Ăngghen trong tác phẩm *Tình cảnh giai cấp lao động ở Anh* đã chỉ ra mối quan hệ của sự phát triển công nghiệp và tập trung lao động với sự phát triển đô thị “Thế là xóm thợ trở thành một thành phố nhỏ, rồi thành phố nhỏ trở thành một thành phố lớn”. Theo Ăngghen, xu hướng ngày càng tập trung của công nghiệp vẫn rất mạnh mẽ và mỗi một công xưởng mới xây dựng ở nông thôn đều mang mầm mống của một thành phố công xưởng. Và ông dự báo “Nếu cuộc chạy đua điên cuồng của công nghiệp còn có thể tiếp tục như thế trong chừng một trăm năm nữa, thì mỗi một khu công nghiệp của Anh sẽ trở thành một thành phố công xưởng lớn”⁴.

Ngày nay, các nghiên cứu về quá trình phát triển đô thị trên thế giới chỉ ra quy luật phát triển đô thị theo công thức: công nghiệp hóa phát triển kéo theo đô thị hóa. Quy luật này đúng với đa số các nước trên thế giới,

riêng với Việt Nam thì dường như đang có xu hướng phát triển ngược với quy luật: đô thị hóa trước khi công nghiệp hóa.

1.3. Quan niệm “Lịch sử hiện đại là nông thôn đô thị hóa” và chức năng kinh tế của đô thị

Không ít người cho rằng “nông thôn đô thị hóa” là nông thôn đô thị hóa tại chỗ, có nghĩa là tại nơi ấy xây dựng các thị trấn nhỏ để thực hiện “nông thôn đô thị hóa” mà không cần phát triển đô thị quy mô lớn và vừa, cho rằng đô thị hóa tư bản chủ nghĩa do “nhiều người lao động thừa, mù quáng chạy vào đô thị” gây nên. Cách hiểu như vậy có lẽ không đúng với ý ban đầu của C.Mác. Như đã nói ở trên về mối quan hệ giữa công nghiệp hóa và đô thị hóa, điều mà C.Mác nói chính là đô thị hóa tư bản chủ nghĩa. Mà đô thị hóa tư bản chủ nghĩa không phải là nông thôn xây dựng đô thị tại chỗ, đó là do người lao động thừa tập trung với quy mô lớn hình thành đô thị hóa.

Từ quan điểm kinh tế học, người sáng lập ra chủ nghĩa Mác đã nêu rõ tính chất kinh tế của đô thị, ông đặc biệt chú ý đến mối quan hệ của kinh tế và hàng hóa. Theo C.Mác, chỉ những đô thị nào có chức năng kinh tế thì mới là “đô thị thực sự”, “Các thành phố theo đúng nghĩa của danh từ chỉ được hình thành ở những địa điểm đặc biệt thuận lợi cho ngoại thương, hoặc là ở những nơi nào mà nhân vật đứng đầu quốc gia và các chư hầu, bằng cách đem đổi thu nhập của mình (sản phẩm thặng dư) lấy lao động, đã chi phí khoản thu nhập ấy với tư cách là quỹ lao động”⁵. Và “Cơ sở của mọi sự phân công lao động phát triển lấy sự trao đổi hàng hóa làm môi giới là sự tách rời giữa thành thị và nông thôn. Có thể nói rằng toàn bộ lịch sử kinh tế của xã hội được tóm tắt lại trong sự vận động của sự đối lập đó”⁶.

Từ đây có thể thấy, sự phát triển của đô thị hay việc tách đô thị thành một loại hình tổ chức xã hội độc lập là một sự tất yếu của tiến trình phát triển xã hội loài người. Và dưới chủ nghĩa tư bản, sự phát triển này tạo nên sự đối lập giữa đô thị và nông thôn. Theo C.Mác, sự đối lập giữa đô thị và nông thôn là một biểu hiện mâu thuẫn của kiểu phát triển cổ điển, kiểu phát triển mang hình thái tư bản chủ nghĩa cổ điển, một phương thức sản xuất chứa đựng sự đối lập giữa tư bản và lao động, trong đó tư bản bóc lột lao động, đô thị bóc lột nông thôn, và sự phồn thịnh của đô thị là trên cơ sở làm kiệt quệ nông thôn. C.Mác viết rằng “Cùng với ưu thế ngày càng tăng của số dân cư đô thị được tập hợp lại trong các trung tâm lớn, nên sản xuất tư bản chủ nghĩa, một mặt, tích lũy động lực lịch sử của xã hội, nhưng mặt khác, nó lại ngáng trở sự trao đổi chất giữa con người và đất đai, tức là ngăn trở việc hoàn lại cho đất đai các yếu tố cấu thành ra nó mà con người đã sử dụng dưới hình thức tư liệu ăn mặc, tức là phá hoại điều kiện tự nhiên vĩnh cửu của sự phì nhiêu lâu dài của đất đai”⁷

1.4. Đô thị hóa là sự tiến bộ đối với phương thức sản xuất lạc hậu

Đô thị hóa trước hết đem lại sự phát triển nhanh chóng kinh tế hàng hóa, là sự xuất hiện phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Khi đô thị hóa ra đời, thì từng giờ từng phút nó làm thay đổi bản chất và đi đến phá hủy chế độ phong kiến. C.Mác đã nói “Giai cấp tư sản đã đóng một vai trò hết sức cách mạng trong lịch sử”. Bởi vì, bất cứ chỗ nào mà giai cấp tư sản chiếm được chính quyền thì nó đập đổ những quan hệ phong kiến, gia trưởng. Tất cả những mối quan hệ phức tạp và đa dạng đó ràng buộc con người phong kiến với đều bị giai cấp tư sản thẳng tay phá vỡ”⁸. Mọi tác dụng của cách mạng thông

qua chức năng trung tâm của đô thị mới có thể thực hiện, đô thị là “đại bản doanh” của thương nghiệp, bất cứ đô thị nào cũng là trung tâm lưu thông, phân phối sản phẩm, hàng hóa. Khi nói về thành phố Luân Đôn, trong bài viết *Những thành phố lớn*, Ph.Ăngghen đã viết “Một thành phố như Luân Đôn, có thể đi hàng giờ mà vẫn chưa hết địa phận của nó, và không hề gặp một chút dấu hiệu nào chứng tỏ đã gần tới nông thôn, một thành phố như vậy quả là một điều rất đặc biệt. Sự tập trung khổng lồ đó, sự tụ tập cả hai triệu rưỡi người vào một chỗ đã làm cho lực lượng của khối hai triệu rưỡi người ấy mạnh thêm gấp trăm lần. Họ đã làm cho Luân Đôn trở thành thủ đô của thương nghiệp của thế giới, đã tạo nên những bến đờ hàng khổng lồ và đã tập trung hàng mấy nghìn chiếc tàu luôn luôn trùm kín dòng sông Têm-đơ”⁹.

Trong tác phẩm Tuyên ngôn của Đảng cộng sản, C.Mác và Ph.Ăngghen đã nhận định: “Giai cấp tư sản bắt nông thôn phải phục tùng thành thị. Nó lập ra những đô thị đồ sộ; nó làm cho dân số thành thị tăng lên phi thường so với dân số nông thôn, và do đó, nó kéo một bộ phận lớn dân cư thoát khỏi vòng ngu muội của đời sống thôn dã. Cũng như nó đã bắt nông thôn phải phụ thuộc vào thành thị”¹⁰.

C.Mác và Ph.Ăngghen khẳng định tính tất yếu và tiến bộ của đô thị và đô thị hóa dưới chủ nghĩa tư bản. Với quan điểm chủ nghĩa duy vật lịch sử, các ông nhấn mạnh “tập trung ở thành thị là một điều kiện cơ bản của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa”¹¹. Sản xuất tư bản tập trung vào các đô thị lớn cũng là sự “tích lũy động lực của xã hội”¹². Điều này không chỉ làm cho điều kiện khách quan của tài sản sản xuất xã hội diễn ra sự thay

đổi có lợi cho tiến bộ xã hội, mà còn có thể làm cho “bản thân những người sản xuất cũng biến đổi tạo ra trong bản thân mình những phẩm chất mới, phát triển và cải tạo bản thân mình nhờ sản xuất tạo ra những lực lượng mới và những quan niệm mới, những phương pháp tiếp xúc mới, những nhu cầu mới và ngôn ngữ mới”¹³.

2. Mặt trái của quá trình đô thị hóa

Đô thị thường gắn liền với những mặt trái của cuộc sống như: môi trường ô nhiễm, rượu chè cờ bạc, mại dâm, tội phạm, và sự thờ ơ của cư dân đô thị.

Trong các tác phẩm của mình, C.Mác và Ph.Ăngghen đã đề cập đến một số khía cạnh trái chiều của đời sống đô thị, điển hình là mối quan hệ của các cư dân; những khu ổ chuột của người lao động; bệnh tật, đau ốm.

2.1. Quan hệ của các cư dân đô thị

Các nhà xã hội học, khi đề cập đến mối quan hệ của những cư dân đô thị, thường đề cập đến một đặc trưng nổi bật là mối quan hệ ẩn danh. Người ta ít biết đến người sống xung quanh mình, điều này hoàn toàn trái ngược với quan hệ của người dân ở làng xã, nơi mọi người hầu như biết hết nhau, thậm chí biết rõ hoàn cảnh gia đình, dòng họ của người đó. Về điểm này, các nhà kinh điển Mác xít đề cập đến mối quan hệ ẩn danh ở các đô thị dưới chủ nghĩa tư bản, chỉ có điều mối quan hệ này thái quá đến mức không cần quan tâm đến người khác, như Ph.Ăngghen viết “họ đi ngang qua nhau vội vã như là không có chút gì chung với nhau, không hề có liên quan gì với nhau; và chỉ có mỗi một điều quy ước ngầm là mỗi người phải đi ở phía bên phải vỉa hè để cho dòng người đi ngược chiều khỏi bị trở ngại; và đồng thời cũng không một

người nào thèm đoái nhìn đến người khác. Sự lãnh đạm tàn nhẫn ấy, sự cô độc lạnh lùng ấy của mỗi người chỉ theo đuổi lợi ích riêng của bản thân mình lại càng khiến người ta khinh tởm và sỉ nhục, khi cái đám đông người ấy càng chen chúc nhau trên một không gian nhỏ bé”¹⁴.

Theo Ăngghen “sự lãnh đạm tàn nhẫn ấy, sự cô độc lạnh lùng ấy” phản ánh bản chất của xã hội tư bản “Chúng ta đã biết rằng sự cô độc ấy của mỗi người, sự ích kỷ hẹp hòi ấy cũng là nguyên tắc cơ bản và phổ biến của xã hội chúng ta ngày nay, nhưng không đâu lại thấy nó bộc lộ một cách trắng trợn, vô liêm sỉ, một cách có ý thức bằng chính ở đây, ở đám người hỗn độn của một thành phố lớn. Sự chia nhỏ nhân loại thành những đơn tử, mà mỗi đơn tử đều có nguyên tắc sinh hoạt riêng và mục đích riêng, cái thế giới của các nguyên tử ấy ở đây phát triển đến cực điểm”¹⁵. Ở các thành phố lớn công nghiệp và thương nghiệp mới phát triển mạnh nhất, cho nên cũng ở đây những hậu quả của sự phát triển đó đối với giai cấp vô sản mới biểu hiện rõ ràng và cụ thể hơn cả. Đáng lưu ý là những giá trị xã hội truyền thống cũng bị mai một, Ph.Ăngghen cho rằng “Chính ở đây, các phong tục và quan hệ của thời xưa tốt đẹp đã bị xoá bỏ sạch ráo”.

Nhưng tất cả những cái đó đã phải trả giá bằng những hy sinh như thế nào thì mãi sau này người ta mới nhận ra. Chỉ khi đã len lỏi vài ngày trên các đường phố chính, khó nhọc lắm mới rẽ được một lối giữa đám người chen chúc hay giữa những dãy xe cộ dài dằng dặc, chỉ khi đã đi thăm các “khu nhà ổ chuột” của thành phố thế giới ấy thì người ta mới bắt đầu thấy rằng người dân Luân Đôn đã

phải hy sinh những phẩm chất tốt đẹp nhất của bản tính con người của họ để sáng tạo ra tất cả những kỳ công của văn minh đầy dẫy trong thành phố họ.

2.2. Đô thị hóa tác động đến đời sống gia đình, nghèo đói và tệ nạn xã hội

Trong bộ Tư bản, C.Mác đã chỉ ra hệ quả của việc các chức năng của gia đình không được thực hiện đúng và đủ, đặc biệt là việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Bởi lẽ, khi người phụ nữ làm mẹ, nhưng do làm việc tại các công xưởng, không có điều kiện chăm sóc con cái, dẫn đến “tỷ lệ trẻ chết rất lớn của con cái công nhân trong những năm đầu của cuộc đời chúng”, nguyên nhân của tỷ lệ trẻ em tử vong cao chủ yếu là do “những người mẹ bị bắt buộc phải làm việc ngoài gia đình và vì thế mà con cái không được chăm sóc và bị trông coi không tốt, như bị cho ăn uống không thích hợp, thiếu ăn, cho ăn những chất có thuốc phiện.v.v. thêm vào đó là việc làm cho người mẹ xa rời con cái một cách trái với tự nhiên, và tiếp đó là việc cố tình để cho chúng bị đói và đầu độc chúng”¹⁶.

Đó là một hệ quả đáng lo ngại đối với sự phát triển thể hệ tương lai. Trong xã hội tư bản - qua tác phẩm của C.Mác - cho thấy một điều: chủ nghĩa tư bản không chỉ bóc lột tận cùng người phụ nữ mà còn đẩy họ vào lối sống buông thả, vào con đường tệ nạn xã hội. “Buổi sáng và buổi chiều, người ta thường gặp họ đi trên các đường làng, đàn bà thì mặc váy ngắn và áo cánh tương ứng, chân đi bốt và đôi khi mặc quần nữa, bề ngoài trông rất khoẻ mạnh nhưng đã hư thân mất nết vì quen tính sống phóng dãng và họ không chú ý gì về những hậu quả tai hại mà sự thích thú muốn sống một lối sống hoạt động và tự do như thế sẽ gây ra cho con cái họ đang chết dần chết mòn ở nhà”¹⁷.

Không chỉ nữ công nhân mà phụ nữ ở các vùng nông nghiệp cũng chịu ảnh hưởng xấu “Cũng giống như trong những khu công nghiệp ở Anh, trong các khu nông nghiệp số công nhân nam, nữ lớn tuổi dùng thuốc phiện ngày càng tăng”. Nạn nghiện hút này tác động xấu đến thể hệ hiện tại và còn ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển thể chất và tâm lý - tinh thần của thế hệ tương lai, khiến cho những em bé còn bú sữa mà ăn phải chất thuốc phiện thì “trở thành cằn cỗi như những ông cụ non hay dẫn dùm như những chú khỉ con vậy”¹⁸. Sống trong xã hội mà ở đó “Những người bán thuốc đã công nhận rằng thuốc phiện là thứ hàng hoá bán chạy nhất” thì tất yếu dẫn đến “Những người phụ nữ bất hạnh không có công ăn việc làm vì nạn khan hiếm bông đã trở thành cặn bã của xã hội và tiếp tục ở trong tình trạng ấy... Con số gái điếm trẻ bây giờ nhiều hơn bất cứ lúc nào trong 25 năm qua”¹⁹. Nhưng đáng lo ngại hơn, là sự tha hoá nhân tính của một số phụ nữ, có những người mẹ bán con và “những người mẹ đã mất những tình cảm tự nhiên đối với con cái của họ đến một mức độ kinh khủng thường thường con chết họ cũng không buồn rầu gì lắm, và đôi khi còn trực tiếp tìm các biện pháp để gây ra cái chết ấy nữa”²⁰.

Những hệ lụy này, được C.Mác và Ph.Ăngghen đề cập đến cách đây hơn một thế kỷ vẫn còn tính thời sự trong xã hội hiện nay và đang là vấn nạn đối với nhiều quốc gia, nhất là các nước đang phát triển.

Báo cáo Triển vọng đô thị hoá thế giới cho thấy dân số thế giới đã đạt được bước ngoặt trong năm 2008: lần đầu tiên trong lịch sử, dân số thành thị bằng dân số nông thôn, sau đó dân số thành thị sẽ chiếm phần lớn dân số thế giới. Thế giới sẽ có 70% là dân số thành thị đến năm 2050. (UN, 2010). Các chuyên gia của Liên hợp quốc từng

cảnh báo về những tác động trái chiều của đô thị hoá đến phát triển, như: ô nhiễm môi trường, nghèo đô thị, thất học, bệnh tật,...

Năm 2009, mức độ đô thị hoá ở Việt Nam đạt 30%, và dự báo sẽ là 45% vào năm 2030. Tính đến cuối năm 2010, nước ta có 755 thành phố, thị xã, thị trấn, có thể nói rằng đô thị hoá của nước ta đang đạt tốc độ nhanh nhất từ trước đến nay. Bên cạnh những yếu tố tích cực, thì đô thị hoá cũng có những tác động tiêu cực đến một số khía cạnh trong văn hoá, xã hội, lối sống... Vì thế, những nội dung trong các tác phẩm của C.Mác và Ph.Ăngghen bàn về đô thị hoá, theo chúng tôi vẫn có tính thời sự không chỉ với Việt Nam mà cả với các nước đang phát triển trong thế kỷ XXI này.

Chú thích

1. C.Mác và Ph.Ăngghen (1998), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Hà Nội, tập 46, phần I, tr.763.
2. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Hà Nội, tập 21, tr.246.
3. C.Mác và Ph.Ăngghen (1998), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Hà Nội, tập 46, phần I, tr.74.
4. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Hà Nội, tập 2, tr.359, 360.
5. C.Mác và Ph.Ăngghen (1998), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 46, phần I, tr. 753-754.
6. C. Mác, *Tư bản*, phần thứ nhất, tập 1 (1988), Nxb. Tiến bộ, Matxcova - Nxb. Sự Thật, Hà Nội, tr. 448.
7. C. Mác, *Tư bản*, phần thứ nhất, tập 1 (1988), Nxb. Tiến bộ, Matxcova - Nxb. Sự Thật, Hà Nội, tr. 632.
8. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Hà Nội, tập 4, tr. 559-600.
9. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Hà Nội, tập 2, tr. 362.
10. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 4, tr. 602.
11. C.Mác và Ph.Ăngghen (1994), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 20, tr. 408.
12. C.Mác và Ph.Ăngghen (1993), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 23, tr. 713.
13. C.Mác và Ph.Ăngghen (1998), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 46, phần I, tr. 786, 787.
14. *Sđd*, tập 2, tr. 363.
15. *Sđd*, tập 2, tr. 364.
16. C.Mác, *Tư bản*, Phần thứ nhất (1988), Nxb. Tiến bộ, Matxcova - Nxb. Sự thật, Hà Nội, tập 1, tr. 503.
17. C. Mác, *Tư bản*, Phần thứ nhất (1988), Nxb. Tiến bộ, Matxcova - Nxb. Sự thật, Hà Nội, tập 1, tr. 504.
18. C. Mác, *Tư bản*, Phần thứ nhất, tập 1 (1988), Nxb. Tiến bộ, Matxcova - Nxb. Sự thật, Hà Nội, tr. 505.
19. C. Mác, *Tư bản*, Phần thứ nhất, (1988), Nxb. Tiến bộ, Matxcova - Nxb. Sự thật, Hà Nội, tập 1, tr. 577.
20. C. Mác, *Tư bản*, Phần thứ nhất, tập 1 (1988), Nxb. Tiến bộ, Matxcova - Nxb. Sự thật, Hà Nội, tr. 503.

Tài liệu tham khảo

1. C. Mác: *Tư bản*, phần thứ nhất (1988), tập 1. Nxb. Tiến bộ, Matxcova - Nxb. Sự thật, Hà Nội.
2. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Hà Nội, tập 2.
3. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Hà Nội, tập 4.
4. C.Mác và Ph. Ăngghen (1994), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 20.
5. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Hà Nội, tập 21.
6. C.Mác và Ph. Ăngghen (2002), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 23.
7. C.Mác và Ph.Ăngghen *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Hà Nội, phần I, t.46.
8. Hoàng Bá Thịnh (2008), *Giáo trình Xã hội học về Giới*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.